TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ÂN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-ST
Ngày : 20-6-2022
V/v:"Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Quý Hòa;
Bà Nuyễn Thị Bích Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXX-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn H, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: + Ông Lưu Văn C, sinh năm 1952;
+ Ông Lưu Văn C1, sinh năm 1960;
Nơi cư trú: thôn H, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
+ Bà Lưu Thị M, sinh năm 1963;
Nơi cư trú: thôn G, xã Ân Tường Đông, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
+ Bà Lưu Thị Th, sinh năm 1971;
Nơi cư trú: thôn T, xã Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lưu Thị H, sinh năm 1949; bà Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: thôn H, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Chị Lưu Thị Bích Ng, sinh năm 1990; nơi cư trú: 12 T, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Chị Lưu Thị Bích D, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn K, xã Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Chị Lưu Thị Ái N, sinh năm 1985; nơi cư trú: 246 P, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Hiện ở: tổ 7, phường H, khu phố hương Trung, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

+ Chị Lưu Thị Y, sinh năm 1988; nơi cư trú: 246 P, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

+ Anh Lưu Anh N1, sinh năm 1991; nơi cư trú: 2/4 Q, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Hiện ở: thôn H, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Chị Lưu Thị T1, sinh năm 1994; chị Lưu Thị Mỹ D1, sinh năm 1997; nơi cư trú: 2/4 Q, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Hiện ở: 246 P, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

+ Ủy ban nhân dân xã Ân Phong.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn Đ - Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phúc T - Công chức địa chính xã Ân Phong (giấy ủy quyền số: 01/VB-UQCY, ngày 12 tháng 4 năm 2022);

Địa chỉ trụ sở: thôn C, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

+ Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu K- Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn V - Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Hoài Ân (giấy ủy quyền số: 302/GUQ-UBND, ngày 08 tháng 4 năm 2022);

Địa chỉ trụ sở: 04 D, TT. Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, chị N, chị Y, anh N1, chị T1, chị Bích D, chị Mỹ D1, ông Trung, ông V(có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn ông Lưu Văn T trình bày:

Cha ông T tên Lưu D chết năm 2000, mẹ ông T tên Nguyễn Thị B chết năm 1971; ông D, bà B có các người con sau: Lưu Thị H, Lưu Văn C, Lưu Văn C1, Lưu Thị M, Lưu Văn T, Lưu Văn T2, Lưu Thị Th. Do ông Lưu Văn T là con trai út ở với cha từ nhỏ, ông T có vợ là Huỳnh Thị Thu V và có các con gồm: Lưu Thị Bích Ngu, Lưu Thị Bích D cùng hộ với ông Lưu D (chủ hộ).

Theo ông T: Nguồn gốc đất của ông Lưu D là của ông bà để lại, năm 1992 Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu D, năm 1997 ông Lưu D được giao cấp giấy CNQSDĐ theo số: 00575 QSDĐ/C10 ngày 20/01/1997 với

diện tích 4.923m^2. Gồm các thửa số 607$^{(A)}$, diện tích (đất ở 300m^2, đất vườn 1.920m^2), thửa đất màu số 753$^{(B)}$, diện tích 540m^2, các thửa đất lúa (228, DT 493m^2), (180, DT 696m^2), (164, DT 524m^2), (255, DT 720m^2). Năm 2000, ông Lưu D chết không để lại di chúc, nay ông Lưu Văn T khởi kiện đến Tòa án Hoài Ân, yêu cầu mở thừa kế, phân chia tài sản của ông Lưu D theo pháp luật.

Ông Lưu D chết để lại 1 số tải sản như sau:

+ 01 ngôi nhà ở cũ, sau này vợ chồng ông T, bà V đã sửa chữa, làm lại như hiện nay và tài sản (một số cây dừa) trên thửa đất số 607$^{(A)}$; tờ bản đồ số 8; Diện tích (đất ở 300m^2, đất vườn 1.920m^2). Các thửa đất lúa: số 180, diện tích 696m^2; số 164, diện tích 524m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 08; thửa số 255, tờ bản đồ số 10 diện tích 720m^2 hiện nay vợ chồng ông T, bà V đang quản lý, canh tác.

+ Thửa đất màu số 753$^{(B)}$, tờ bản đồ số 8, diện tích 270m^2; thửa đất lúa số 228, diện tích 493m^2 hiện ông Lưu Văn C đang quản lý, canh tác.

Ông Lưu Văn C đang sử dụng trồng cây keo giấy một diện tích đất khoản 2 sào trên thửa đất vườn số 607$^{(B)}$.

Tất cả các thửa đất ở, đất vườn, đất màu, đất lúa Nhà nước đã giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu D, Quyết định số: 00575-QSDĐ/C10, ngày 20/01/1997 tại thôn H, Ân Phong, Hoài Ân, Bình Định. Khi nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông T và 2 con Ng, D có nhân khẩu cùng hộ với ông Lưu D.

Khoảng năm 2012, ông Lưu Văn T2 là anh ruột của ông Tố có về làm một ngôi nhà cấp 4 (mái ngói, tường hồ kẻ) trên thửa đất số 607$^{(A)}$ để ở, năm 2013 ông T chết, hiện tại ngôi nhà này vẫn còn và làm nơi thờ cúng ông T.

Ông T, bà V thống nhất kết quả đo đạc, định giá của Tòa án Tòa án tiến hành ngày 09/12/2021. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết xác định tài sản của ông Lưu D, chia thừa kế tài sản của ông Lưu D theo pháp luật.

- Bị đơn: Lưu Văn C, Lưu Văn C1, Lưu Thị M, Lưu Thị Th đều thống nhất lời trình bày như trên của Lưu Văn T về tài sản của ông Lưu D chết để lại; thống nhất kết quả đo đạc, định giá của Tòa án Tòa án tiến hành ngày 09/12/2021. Đồng ý để ngôi nhà của Lưu Văn T cho các con ông T thừa kế làm nơi thờ cúng ông T, đề nghị Tòa án chừa một diện tích đất vườn làm đường đi vào nhà ông T với chiều rộng 03m. Đồng ý giữ nguyên việc ông T quản lý, sử dụng nhà ở, các thửa đất hiện vợ chồng ông T đang canh tác; đồng ý giữ nguyên các thửa đất ông Lưu Văn C đang quản lý, canh tác.

Tại phiên tòa: Bà M, bà Th tự nguyện chuyển kỷ phần thừa kế được nhận hưởng của ông Lưu D2 sang cho Lưu Văn T.

Bà H, ông C1 từ chối nhận thừa kế của ông Lưu D2, đề nghị Tòa án chia cho các ông (C, T2, T).

Các đồng thừa kế đều thống nhất: Ông C nhận hưởng tiền Nhà nước đền bù 140m^2 của thửa đất lúa số hiệu 228, không yêu cầu chia.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Lưu Thị H thống nhất lời trình bày như trên của Lưu Văn T về tài sản của ông Lưu D2 chết để lại; thống nhất kết quả đo đạc, định giá của Tòa án Tòa án tiến hành ngày 09/12/2021. Đồng ý để ngôi nhà của Lưu Văn T2 cho các con ông T2 thừa kế làm nơi thờ cúng, đề nghị tòa án chừa một diện tích đất vườn làm đường đi vào nhà ông T2. Đồng ý giữ nguyên việc ông T quản lý, sử dụng nhà ở, các thửa đất hiện vợ chồng ông T đang canh tác; đồng ý giữ nguyên các thửa đất ông Lưu Văn C đang quản lý, canh tác.

Tại phiên tòa: Bà H từ chối nhận thừa kế của ông Lưu D2, đề nghị Tòa án chia cho các ông (C, T, T2). Bà H đồng ý ông C nhận hưởng tiền Nhà nước đền bù 140m^2 của thửa đất lúa số hiệu 228, không yêu cầu chia.

+ Các ông, bà: Huỳnh Thị Thu V, Lưu Thị Bích Ng, Lưu Thị Bích D, Lưu Thị Ái Ng, Lưu Thị Y, Lưu Anh N1, Lưu Thị T1, Lưu Thị Mỹ D trình bày:

Đồng ý với khởi kiện của ông Lưu Văn T, mở thừa kế của ông Lưu D2, phân chia tài sản của ông Lưu D2 theo pháp luật.

- Đại diện UBND xã Ân Phong - Trần Phúc Tr trình bày: Theo đơn khởi kiện chia thừa kế của ông Lưu Văn T và yêu cầu của các đồng thừa kế thì Tòa án giải quyết theo pháp luật quy định. Ngoài ra, ông Tr cung cấp thêm thông tin:

+ Thứ nhất: Nhà nước đã thu hồi thửa đất màu số 753$^{(A)}$, 753$^{(B)}$ để làm đường nên đã hoán đổi diện tích đất khác cho ông Lưu Văn C, bằng thửa đất số hiệu 1.114, diện tích 454m^2; nhưng chưa có đầy đủ thủ tục thu hồi, hoán đổi.

+ Thứ hai: Nhà nước đã thu hồi 140m^2 của thửa đất lúa số hiệu 228, diện tích 493m^2 do ông Lưu Văn C quản lý, canh tác; ông C đã nhận 02 lần tiền (lần 1: số tiền 8.429.610 đồng; lần 2: số tiền 31.936.950 đồng), tổng cộng là 40.366.560 đồng, đã có đầy thủ tục thu hồi, bồi thường.

+ Ông Lưu Văn C1 đang quản lý, canh tác đất trồng cây keo giấy trên một diện tích đất khoản 2 sào thuộc thửa đất vườn số 607$^{(B)}$, nhưng không được cấp giao giấy CNQSDĐ.

+ Việc bà Lưu Thị M cho rằng: Ông Lưu D2 còn có thửa đất số 607$^{(B)}$, thửa số 727 (tên Võ H), thửa đất số 729 (tên Lưu Văn C), phải kê khai đưa vào làm tài sản của ông Lưu D2 và yêu cầu chia thừa kế là không đúng, vì các thửa đất này không nằm trong giao quyền của hộ Lưu D2.

Kết quả đo đạc, định giá tài sản ngày 09/12/2021.

- Thửa đất số 607$^{(A)}$, tờ bản đồ số 08, diện tích theo giấy CNQSDĐ (300m^2 đất ở, 1.920m^2 đất vườn). Diện tích thực tế đo đạc (300m^2 đất ở, 2.214,38m^2 đất vườn), phần ông Lưu Văn C1 đang sử dụng 318,2m^2, còn lại 1.896,18m^2.

- Tài sản trên thửa đất số 607$^{(A)}$, theo biên bản đo đạc, định giá ngày 09/12/2021: Ngôi nhà của Lưu Văn T2 (g), diện tích 67,9m^2. Đường đi vào nhà

Lưu Văn T2 rộng 03m; dài (4,38 + 18,33 + 0,19 + 8,35 + 5,15 + 03 + 25,38)m = 64.78m và (38,82 + 22,6)m = 61,42m với diện tích: 186,98m^2.

+ 15 cây dừa giá 14.175.000đồng; 02 cây cằn cỗi giá 378.000đồng bằng 14.553.000đồng.

Giá đất ở: 150.000 đồng/m^2; giá đất vườn: 32.000đồng/m^2.

- Các thửa đất màu, đất lúa:

+ Thửa đất màu số 753$^{(B)}$, tờ bản đồ số 08, diện tích 270m^2, giá 54.000 đồng/m^2.

+ Thửa đất lúa số 228, tờ bản đồ số 08, diện tích 493m^2, giá 71.000đồng/m^2.

+ Thửa số 180, tờ bản đồ số 08, diện tích 696m^2, giá 68.000đồng/m^2.

+ Thửa số 164, tờ bản đồ số 08, diện tích 524m^2, giá 56.000đồng/m^2.

+ Thửa số 255, tờ bản đồ số 10, diện tích 720m^2, giá 56.000đồng/m^2; tất cả đều x hệ số 1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, Thư ký tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, trong quá trình tiếp cận, công khai chứng cứ, có đương sự vắng mặt, nhưng Thẩm phán không thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự là vi phạm.

- Về giải quyết vụ án: Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị: 97.984.800đồng/7 người = 13.997.828đồng. Chia thừa kế theo pháp luật, thừa kế nào nhận hiện vật có giá trị lớn hơn kỷ phần được hưởng thì có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch cho các thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Lưu Văn T khởi kiện các ông, bà Lưu Văn C, Lưu Văn C1, Lưu Thị M, Lưu Thị Th về mở thừa kế, phân chia tài sản của ông Lưu D2 theo pháp luật. Tài sản gồm: Nhà ở, cây dừa trên đất; quyền sử dụng đất của các thửa số 607$^{(A)}$, các thửa đất số 753$^{(B)}$, 228, 180, 164, thuộc tờ tờ bản đồ số 08; thửa đất số 255, thuộc tờ bản đồ số 10; tọa lạc tại thôn An Hậu, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định theo quy định tại các khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Ông Lưu Văn T khởi kiện đối với các bị đơn, yêu cầu mở thừa kế, chia tài sản của ông Lưu D2 về tài sản trên đất, về quyền sử dụng đất nêu trên là *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành việc giao nhận tài liệu, chứng cứ; xác minh, thu thập chứng cứ; tiến hành các phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã giải thích về quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định pháp luật, các bị đơn không yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa, đương sự vắng mặt (đã có đơn đề nghị vắng mặt). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, ông Lưu Văn Tố.

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Tòa án xác định:

Năm 1997, Nhà nước cân đối giao cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lưu D2 (ông D2 chủ hộ) theo quy định của pháp luật; hộ ông Lưu D2 gồm có các khẩu: Lưu D2, Lưu Văn T, Huỳnh Thị Thu V, Lưu Thị Bích Ng, Lưu Thị Bích D. Do vậy, tài sản của ông Lưu D2 để lại thừa kế gồm: 01 ngôi nhà ở xây dựng trên thửa đất số 607(A), Cây trồng tên đất, diện tích đất được cấp giấy CNQSDĐ tên Lưu D2, được tính như sau:

Diện tích đất ở 300m^2 của thửa đất số 607(A): Do đất ở cấp cho hộ ông Lưu D2, tại thời điểm giao cấp ông Lưu D2 là chủ hộ nên được xác định đất ở của Lưu D2 (300m^2 x 150.000 đồng/m^2)= 45.000.000đồng.

01 phần diện tích đất vườn 1.896,18m^2 của thửa đất số 607(A).

Do đất vườn cấp cho hộ ông Lưu D2 theo Nghị định 64/CP năm 1993, tại thời điểm giao cấp ông Lưu D2 có 05 khẩu nên được xác định phần đất vườn của ông Lưu D2 (1.896,18m^2/5 khẩu x 32.000đồng/m^2) = 12.135.000đồng.

01 phần diện tích của các thửa đất màu, đất lúa được xác định như sau:

+ Thửa số 753(B), đất màu, diện tích 270m^2/5 khẩu x 54.000đồng = 2.916.000đồng.

+ Thửa đất lúa số 228, diện tích 493m^2/5 khẩu x 71.000đồng/m^2 = 7.000.600đồng.

+ Thửa đất lúa số 180, diện tích 696m^2/5 khẩu x 68.000đồng/m^2 = 9.465.600đồng.

+ Thửa đất lúa số 164, diện tích 524m^2/5 khẩu x 56.000đồng/m^2 = 5.868.800đồng.

+ Thửa đất lúa số 255, diện tích 720m^2/5 khẩu x 56.000đồng/m^2 = 8.064.000đồng.

+ 17 cây dừa, giá trị 14.553.000đồng.

Tổng giá trị tài sản của ông Lưu D2 để lại cho các đồng thừa kế bằng 97.992.400đồng, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 97.992.400đồng/7 người = 13.998.914đồng.

Riêng ngôi nhà ông Lưu D2 đã hư hỏng, vợ chồng ông Lưu Văn T đã xây dựng lại như hiện nay, đề nghị Tòa xem xét.

Tại phiên tòa, ông Lưu Văn T yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Lưu D2 theo pháp luật được các đồng thừa kế thống nhất. Bà Lưu Thị M, bà Lưu Thị Th tự nguyện để lại phần thừa kế được hưởng cho ông Lưu Văn T. Bà Lưu Thị H, ông Lưu Văn C1 từ chối nhận thừa kế và đề nghị Tòa án chia giao cho các ông (Lưu Văn C, Lưu Văn T, Lưu Văn T2) đang quản lý, canh tác các thửa đất được nhận. Do các đồng thừa kế tự nguyện giao chia và yêu cầu của ông T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T được nhận sở hữu ngôi nhà xây dựng trên thửa đất $607^{(A)}$, thửa đất $607^{(A)}$ với diện tích thực là (đất ở 232,1m^2; đất vườn 1.709,2m^2), 17 cây dừa trên thửa đất $607^{(A)}$; các thửa đất lúa số (180, 164, 255). Trong đó phần thừa kế nhận từ ông Lưu D2 là 13.998.914đồng x 03 người (T, M, Th) = 41.996.742đồng. Phần thừa kế của bà H, ông C1 đề nghị Tòa án chia giao là 13.998.914đồng x 02 người (H, C1)/3 (C, T2, T) = 9.332.609 đồng; tổng cộng 51.328.351đồng.

Ngoài ra, ông T cho rằng: Ông C nhận 02 thửa đất màu số $753^{(B)}$, thửa đất lúa số 228 với diện tích lớn nên ông T yêu cầu chia thừa kế và buộc ông C trả lại diện tích đất thừa so với kỷ phần được nhận. Tuy nhiên ông T không yêu cầu trả hết, chỉ yêu cầu ông C1 trả bằng giá trị 01 kỷ phần thừa kế bằng 13.9968.914đồng và được ông C đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Đối với ý kiến của các bị đơn.

- Bà Lưu Thị M, bà Lưu Thị Th để lại kỷ phần thừa kế được hưởng từ ông Lưu D2 cho ông Lưu Văn T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Ông Lưu Văn C1 từ chối nhận thừa kế được nhận hưởng của ông Lưu D, đề nghị Tòa án chia cho các ông (C, T2, T) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Ông Lưu Văn C yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là thửa đất màu số $753^{(B)}$, thửa đất lúa số 228, còn thừa sẽ trả lại cho ông Lưu Văn T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đồng thừa kế đều thống nhất đề nghị: Giao nhà ở của ông Lưu Văn T2 xây dựng trên thửa đất số $607^{(A)}$ và chừa diện tích đất vườn làm đường đi vào nhà ông T2 có chiều rộng 03m là có cơ sở nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đồng thừa kế đều thống nhất: Ông C đang canh tác thửa đất lúa số 228, hiện Nhà nước thu hồi 140m^2 đất làm đường, ông C được nhận tiền Nhà nước đền bù, các đồng thừa kế không yêu cầu chia.

Đối với ngôi nhà ông Lưu D2 đã hư hỏng, vợ chồng ông Lưu Văn T đã xây dựng lại như hiện nay, các đồng thừa kế không yêu cầu chia.

Như vậy, ông Lưu Văn C được nhận sở hữu các thửa đất màu số 753(B), thửa đất lúa số 228 với giá trị 39.583.000đồng. Trong đó phần thừa kế nhận từ ông Lưu D là 13.998.914đồng; phần thừa kế của bà H, ông C1 đề nghị Tòa án chia giao là 9.332.609 đồng; tổng cộng 23.331.523đồng. Ông Lưu Văn C phải trả lại cho ông Lưu Văn T kỷ phần thừa kế với số tiền 13.998.914đồng.

+ Đối với ý kiến của bà M: Đưa các thửa số 607(B), thửa đất số 727 (tên Võ H), thửa đất số 729 (tên Lưu Văn C1) vào tài sản của ông Lưu D2 để chia thừa kế. Qua kiểm tra, xác định các thửa đất này không thuộc quyền sử dụng đất của ông Lưu D2 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Đối với ý kiến của của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị Thu V đồng ý như ý kiến của ông Lưu Văn T (chồng bà).

- Bà Lưu Thị H từ chối nhận thừa kế của ông Lưu D2, tự nguyện đề nghị Tòa án chia cho các ông (C, T, T2) nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị: Giao nhà ở của ông Lưu Văn T xây dựng trên thửa đất số 607(A) và chừa diện tích đất vườn làm đường đi vào nhà ông T2 có chiều rộng 03m là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà H đồng ý ông C đang canh tác thửa đất lúa số 228, hiện Nhà nước thu hồi 140m^2 đất làm đường, ông C được nhận tiền Nhà nước đền bù, bà H không có ý kiến gì. Đối với ngôi nhà ông Lưu D2 đã hư hỏng, vợ chồng ông Lưu Văn T đã xây dựng lại như hiện nay, bà H không yêu cầu chia..

- Các anh, chị: Lưu Thị Ái N, Lưu Thị Y, Lưu Anh N1, Lưu Thị T1; Lưu Thị Bích Ng, Lưu Thị Bích N, Lưu Thị Mỹ D không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đại diện UBND xã Ân Phong, Đại diện UBND huyện Hoài Ân: Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, Thư ký tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiện trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về giải quyết vụ án: Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị: 97.984.800đồng/7 người = 13.997.828đồng. Chia thừa kế theo pháp luật, thừa kế nào nhận hiện vật có giá trị lớn hơn kỷ phần được hưởng thì có nghĩa vụ thối lại giá trị chênh lệch cho các thừa kế là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6]. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản:

Ông Lưu Văn T tạm ứng 2.000.000 đồng ngày 29/7/2021, phiếu thu của Đạt Phương: 5.691.000 đồng bằng tổng cộng: 7.691.000 đồng. Ông Lưu Văn T chịu được tính trừ vào tiền tạm ứng (xong).

[7]. Về án phí sơ thẩm dân sự: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc ông T, các con ông T2 nộp án phí sơ thẩm theo quy định; ông C là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng vào các Điều 357, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Văn T: Mở thừa kế, chia tài sản của ông Lưu D2 theo pháp luật.

- Ông T nhận và sở hữu 17 cây dừa, 01 ngôi nhà ở và các công trình xây dựng trên thửa đất số 607$^{(A)}$; quyền sử dụng đất thửa số 607$^{(A)}$ với diện tích (đất ở 232,1m^2; đất vườn 1.709,2m^2); các thửa đất lúa số (180, 164, 255). Trong đó phần nhận thừa kế có giá trị 51.328.351đồng. Ông T được nhận số tiền do ông Lưu Văn C trả 13.998.914đồng.

- Ông Lưu Văn C nhận và sở hữu quyền sử dụng đất các thửa: Đất màu số 753$^{(B)}$, đất lúa số 228. Trong đó phần nhận thừa kế có giá trị 23.331.523đồng; ông C phải trả lại cho ông T 13.998.914đồng.

- Chấp nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế (của ông D2): Giao ngôi nhà của Lưu Văn T2 xây dựng trên thửa đất số 607$^{(A)}$, có diện tích 67,9m^2 , diện tích làm đường đi vào nhà 186,98m^2 cho các con ông T2 gồm: Lưu Thị Ái N, Lưu Thị Y, Lưu Anh N1, Lưu Thị T1, Lưu Thị Mỹ D1 làm nơi thờ cúng ông Tín (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

Ngôi nhà ông Lưu D2 đã hư hỏng, không còn giá trị, các đồng thừa kế không yêu cầu.

+ Không chấp nhận với ý kiến của bà M: Đưa các thửa số 607$^{(B)}$, thửa đất số 727 (tên Võ H), thửa đất số 729 (tên Lưu Văn C1) vào tài sản của ông Lưu D2.

- Về chi phí đo đạc, định giá tài sản:

Ông Lưu Văn T chịu được trừ vào số tiền nộp tạm ứng 7.691.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự chia thừa kế.

- Ông Lưu Văn T nộp 2.566.417 đồng được khấu trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo phiếu thu số 0001784 ngày 23/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn phải nộp 2.266.417đồng.

- Ông Lưu Văn C là người cao tuổi nên được miễn.

- Các anh, chị (Lưu Thị Ái N, Lưu Thị Y, Lưu Anh N1, Lưu Thị T1, Lưu Thị Mỹ D1) nộp 1.166.576 đồng.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Hoài Ân;
- Chi cục THADS huyệnHoài Ân;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vân